

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**BẢNG CÔNG BỐ**  
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM  
THÁNG 3/ 2026

**1. Khu vực các phường, tỉnh Cà Mau**

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **31** mẫu/ tháng, trong đó:
  - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 21 mẫu;
  - + Số mẫu mạng phân phối: 10 mẫu (06 mẫu giữa mạng phân phối, 04 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

**2. Khu vực các xã, tỉnh Cà Mau**

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **64** mẫu/ tháng, trong đó:
  - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 26 mẫu;
  - + Số mẫu mạng phân phối: 38 mẫu (19 mẫu giữa mạng phân phối, 19 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	XNCN CM 1	Các trạm lẻ, nhà máy	15	15	15	0	15	0	
2	XNCN CM 2	Các trạm lẻ, nhà máy	16	16	16	0	16	0	
3	CNCN Cái Nước	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
4	CNCN Cái Đôi Vàm	Trạm bờ Nam Trạm bờ Bắc	6	6	6	0	6	0	
		<i>Trạm Việt Thắng</i>	3	3	3	0	3	0	
5	XNCN & MT Năm Căn	Trạm Năm Căn Trạm Hàng Vịnh	6	6	6	0	6	0	
6	CNCN Trần Văn Thời	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
7	CNCN Sông Đốc	Trạm bờ Bắc Trạm bơm số 1	4	4	4	0	4	0	
		Trạm bờ Nam	3	3	3	0	3	0	
8	CNCN Phan Ngọc Hiền	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Tân Ân	3	3	3	0	3	0	
9	CNCN Thới Bình	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Trí Phải	3	3	3	0	3	0	
		<i>Trạm Khóm 4</i>	3	3	3	0	3	0	
10	CNCN Khánh An	Trạm Khánh An	3	3	3	0	3	0	
		Trạm U Minh	3	3	3	0	3	0	



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
		Trạm Khánh Hội	3	3	3	0	3	0	
11	CNCN Đầm Dơi	Trạm bơm số 1							
		Trạm bơm số 2	5	5	5	0	5	0	
		Trạm bơm số 3							
		Trạm Quách Phẩm	3	3	3	0	3	0	
<b>Tổng Cộng</b>			<b>95</b>	<b>95</b>	<b>95</b>	<b>0</b>	<b>95</b>	<b>0</b>	
<b>Tỉ lệ (%)</b>					<b>100</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	

### Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực các phường, xã của tỉnh Cà Mau thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý được kiểm soát, giám sát chặt chẽ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN**



**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC**  
**CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau  
 Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com  
 Website: <https://ctncamau.com.vn/>

**DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM**  
**THÁNG 03 NĂM 2026**

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0191	2/3	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0192	2/3	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0193	2/3	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0194	2/3	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0195	2/3	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0196	2/3	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0197	2/3	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0198	2/3	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0199	2/3	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tác Vân	26.ĐK.0200	2/3	Tủ mát
11		11	230/10 đường Bùi Thị Trường, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0201	2/3	Tủ mát
12		12	25-26 đường An Dương Vương, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0202	2/3	Tủ mát
13		13	148 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0203	2/3	Tủ mát
14		14	26 đường Hải Thượng Lãn Ông, P. Hòa Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0204	2/3	Tủ mát
15		15	219 QL1A, khóm 11, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0205	2/3	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
16	CM2/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0206	2/3	Tủ mát
17		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0207	2/3	Tủ mát
18		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0208	2/3	Tủ mát
19		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0209	2/3	Tủ mát
20		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0210	2/3	Tủ mát
21		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0211	2/3	Tủ mát
22		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0212	2/3	Tủ mát
23		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0213	2/3	Tủ mát
24		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0214	2/3	Tủ mát
25		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0215	2/3	Tủ mát
26		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0216	2/3	Tủ mát
27		12	349 đường Lê Hồng Phong, khóm 8, P. LVL (giữa mạng)	26.ĐK.0217	2/3	Tủ mát
28		13	37 đường N20, Khu ĐT Bạch Đằng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0218	2/3	Tủ mát
29		14	43 đường Mạc Cửu, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0219	2/3	Tủ mát
30		15	150 đường Châu Văn Liêm, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0220	2/3	Tủ mát
31		16	21B đường Lê Đức Thọ, khóm 23, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0221	2/3	Tủ mát
32	NC/03.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0222	3/3	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0223	3/3	Tủ mát
34		3	Nguyễn Thị Huỳnh, đường An Dương Vương, khóm 2, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0224	3/3	Tủ mát
35		4	Trần Văn Lâm, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 6, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0225	3/3	Tủ mát
36		5	Nguyễn Thị Ánh, ấp Xóm Lớn, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0226	3/3	Tủ mát
37		6	Lê Diễm Kiều, ấp Cái Nậy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0227	3/3	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
38	CĐV/03.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0228	3/3	Tủ mát
39		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0229	3/3	Tủ mát
40		3	Võ Phương Điền, đường Trần Văn Thời, ấp 7, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0230	3/3	Tủ mát
41		4	Lê Thu Thủy, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0231	3/3	Tủ mát
42		5	Nguyễn Hoàng Lam, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0232	3/3	Tủ mát
43		6	Lê Đức Minh, đường Lý Văn Lâm, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0233	3/3	Tủ mát
44	SĐ/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0234	4/3	Tủ mát
45		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0235	4/3	Tủ mát
46		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0236	4/3	Tủ mát
47		4	Trương Diễm Chi, đường số 11, khóm 11, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ bắc)	26.ĐK.0237	4/3	Tủ mát
48		5	Vũ Đăng Khoa, khóm 12, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ bắc)	26.ĐK.0238	4/3	Tủ mát
49		6	Phạm Công Danh, khóm 1, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ nam)	26.ĐK.0239	4/3	Tủ mát
50		7	Lê Bích Thủy, khóm 5, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ nam)	26.ĐK.0240	4/3	Tủ mát
51	TVT/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0241	4/3	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0242	4/3	Tủ mát
53		3	Hoàng Văn Trung, đường Dương Văn Thà, khóm 11, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0243	4/3	Tủ mát
54		4	Nguyễn Mạnh Cường, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 1, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0244	4/3	Tủ mát
55	CN/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0245	4/3	Tủ mát
56		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0246	4/3	Tủ mát
57		3	Nguyễn Thị Hạnh, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0247	4/3	Tủ mát
58		4	Trần Phi Hùng, đường Nguyễn Khuyến, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0248	4/3	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
59	ĐD/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Đầm Dơi	26.ĐK.0249	9/3	Tủ mát
60		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0250	9/3	Tủ mát
61		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0251	9/3	Tủ mát
62		4	Trương Thanh Dũng, đường Huỳnh Ngọc Điệp, khóm 5, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0252	9/3	Tủ mát
63		5	Đình Thị Thu, đường Lê Khắc Xương, khóm 3, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0253	9/3	Tủ mát
64		6	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0254	9/3	Tủ mát
65		7	Trần Văn Viên, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (giữa mạng)	26.ĐK.0255	9/3	Tủ mát
66		8	Lương Minh Tân, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0256	9/3	Tủ mát
67	UM/03.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0257	9/3	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0258	9/3	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0259	9/3	Tủ mát
70		4	Trần Văn Bé, đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0260	9/3	Tủ mát
71		5	Nguyễn Văn Thắng, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0261	9/3	Tủ mát
72		6	Nguyễn Văn Triệu, khóm 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0262	9/3	Tủ mát
73		7	Lê Hải Vân, khóm 4, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0263	9/3	Tủ mát
74		8	Điệp Thị Hương, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0264	9/3	Tủ mát
75		9	Bùi Tấn Thành, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0265	9/3	Tủ mát
76	PNH/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiến	26.ĐK.0266	10/3	Tủ mát
77		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiến	26.ĐK.0267	10/3	Tủ mát
78		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiến	26.ĐK.0268	10/3	Tủ mát
79		4	Đỗ Thanh Tùng, khóm 1, xã Phan Ngọc Hiến (giữa mạng)	26.ĐK.0269	10/3	Tủ mát
80		5	Võ Hoàng Khang, khóm 1, xã Phan Ngọc Hiến (cuối mạng)	26.ĐK.0270	10/3	Tủ mát
81		6	Trần Hữu Chí, đường 13/12, Khóm 3, xã Phan Ngọc Hiến (giữa mạng)	26.ĐK.0271	10/3	Tủ mát
82		7	Tăng Quốc Đoàn, đường 13/12, khóm 3, xã Phan Ngọc Hiến (cuối mạng)	26.ĐK.0272	10/3	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
83	TB/03.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0273	10/3	Tủ mát
84		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0274	10/3	Tủ mát
85		3	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0275	10/3	Tủ mát
86		4	Nguyễn Thanh Thúy, đường Lê Duẩn, khóm 1, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0276	10/3	Tủ mát
87		5	Phan Thị Thanh Tươi, đường 30/4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0277	10/3	Tủ mát
88		6	Nguyễn Thị Thúy, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0278	10/3	Tủ mát
89		7	Trần Ngọc Đào, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0279	10/3	Tủ mát
90	TB.K4/03.2026	1	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0280	10/3	Tủ mát
91		2	Phạm Văn Hoan, khóm 4, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0281	10/3	Tủ mát
92		3	Nguyễn Mỹ Phương, khóm 4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0282	10/3	Tủ mát
93	CĐV.VT/03.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0283	10/3	Tủ mát
94		2	Trương Khắc Điệp, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (giữa mạng)	26.ĐK.0284	10/3	Tủ mát
95		3	Nguyễn Văn Sự, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0285	10/3	Tủ mát

Cà Mau, ngày 10 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Hiền

P. TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 03/ 2026  
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0191	26.ĐK.0192	26.ĐK.0193	26.ĐK.0194	26.ĐK.0195	26.ĐK.0196	26.ĐK.0197	26.ĐK.0198	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	7	7	7	8	8	7	7	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.44	0.41	0.43	0.40	0.42	0.41	0.41	0.53	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.85	0.88	0.60	0.79	0.83	0.87	0.68	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.88	7.93	7.91	7.87	7.90	7.89	7.88	7.87	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 03 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 03/ 2026  
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0199	26.ĐK.0200	26.ĐK.0201	26.ĐK.0202	26.ĐK.0203	26.ĐK.0204	26.ĐK.0205	
		9	10	11	12	13	14	15	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	8	8	10	9	10	9	10	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.45	0.44	0.63	0.63	0.68	0.71	0.73	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.78	0.76	0.55	0.47	0.52	0.45	0.25	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.86	7.88	7.89	7.89	7.92	7.91	7.93	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 03 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 03/ 2026  
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0206	26.ĐK.0207	26.ĐK.0208	26.ĐK.0209	26.ĐK.0210	26.ĐK.0211	26.ĐK.0212	26.ĐK.0213	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	7	7	8	9	9	9	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.50	0.45	0.53	0.59	0.56	0.52	0.46	0.50	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.80	0.83	0.69	0.70	0.75	0.71	0.84	0.72	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.91	7.82	7.87	7.88	7.91	7.87	7.92	7.89	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 03 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 03/ 2026  
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0214	26.ĐK.0215	26.ĐK.0216	26.ĐK.0217	26.ĐK.0218	26.ĐK.0219	26.ĐK.0220	26.ĐK.0221	
		9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	9	9	9	10	11	10	11	11	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.53	0.55	0.52	0.67	0.76	0.63	0.68	0.76	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.87	0.67	0.72	0.42	0.43	0.44	0.46	0.27	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.90	7.89	7.87	7.91	7.93	7.92	7.90	7.91	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 03 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026  
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NĂM CĂN						CNCN PHÚ TÂN						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0 222	26.ĐK.0 223	26.ĐK.0 224	26.ĐK.0 225	26.ĐK.0 226	26.ĐK.0 227	26.ĐK.0 228	26.ĐK.0 229	26.ĐK.0 230	26.ĐK.0 231	26.ĐK.0 232	26.ĐK.0 233	
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	12	13	14	15	14	14	12	12	14	14	15	13	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	1.35	1.19	1.22	1.08	1.14	1.28	1.26	1.21	1.27	1.17	1.25	1.28	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.84	0.78	0.42	0.42	0.41	0.31	0.79	0.76	0.43	0.31	0.47	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.89	7.85	7.91	7.83	7.79	7.85	7.78	7.96	7.84	7.93	7.88	7.95	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



**TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026**  
**KHU VỰC CÁC XÃ**

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0241	26.ĐK.0242	26.ĐK.0243	26.ĐK.0244	26.ĐK.0245	26.ĐK.0246	26.ĐK.0247	26.ĐK.0248	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	8	7	8	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.41	0.41	0.59	0.53	0.37	0.36	0.53	0.55	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.75	0.67	0.48	0.22	0.8	0.79	0.5	0.25	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.89	7.82	7.96	7.81	7.99	7.82	7.91	7.76	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 07/2023

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 1/1



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026  
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0234	26.ĐK.0235	26.ĐK.0236	26.ĐK.0237	26.ĐK.0238	26.ĐK.0239	26.ĐK.0240	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	8	7	8	10	10	8	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.42	0.44	0.48	0.53	0.52	0.61	0.58	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.77	0.75	0.69	0.48	0.21	0.47	0.24	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.75	7.89	7.81	7.76	7.84	7.93	7.82	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026  
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN ĐÀM ĐOI								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0249	26.ĐK.0250	26.ĐK.0251	26.ĐK.0252	26.ĐK.0253	26.ĐK.0254	26.ĐK.0255	26.ĐK.0256	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	7	7	8	8	9	8	7	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.50	0.58	0.57	0.71	0.73	0.71	0.70	0.71	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.70	0.77	0.83	0.77	0.52	0.77	0.24	0.30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.84	7.93	7.94	7.85	7.94	7.88	7.95	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026  
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN U MINH									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0257	26.ĐK.0258	26.ĐK.0259	26.ĐK.0260	26.ĐK.0261	26.ĐK.0262	26.ĐK.0263	26.ĐK.0264	26.ĐK.0265	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) ( $\leq 15$ TCU)	7	7	8	10	9	9	9	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) ( $\leq 2$ NTU)	0.49	0.49	0.50	0.58	0.64	0.67	0.60	0.65	0.65	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.81	0.77	0.76	0.47	0.27	0.53	0.24	0.54	0.23	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.96	7.84	7.92	7.88	7.95	7.81	7.75	7.79	7.86	Đạt
6	H.lượng Arsenic ( $\leq 0.01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC ( $< 3$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli ( $< 1$ CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026  
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026  
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NGỌC HIỂN							CNCN THỚI BÌNH							Đánh giá kết quả
		26.ĐK. 0266	26.ĐK. 0267	26.ĐK. 0268	26.ĐK. 0269	26.ĐK. 0270	26.ĐK. 0271	26.ĐK. 0272	26.ĐK. 0273	26.ĐK. 0274	26.ĐK. 0275	26.ĐK. 0276	26.ĐK. 0277	26.ĐK. 0278	26.ĐK. 0279	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	11	12	12	13	13	13	12	8	8	7	8	9	9	10	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.92	0.70	0.72	1.00	0.95	1.14	1.03	0.57	0.58	0.57	0.59	0.63	0.65	0.66	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.80	0.57	0.21	0.38	0.51	0.25	0.82	0.86	0.52	0.41	0.35	0.49	0.21	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.86	7.82	7.95	7.81	7.93	7.77	7.84	7.98	7.86	7.81	7.93	7.87	7.79	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Ban hành: 07/2023

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM  
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau  
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com  
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

**TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026**  
**TRẠM KHÓM 4 - CHI NHÁNH CN THỚI BÌNH**

TT	Mã số mẫu Thông số	KẾT QUẢ			Đôi chiếu QCĐP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0280	26.ĐK.0281	26.ĐK.0282		
	Màu sắc (*)	7	8	8	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	0.45	0.46	0.57	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.65	0.48	0.2	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.79	7.81	7.96	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026  
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU  
PHÒNG THỬ NGHIỆM  
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau  
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com  
Website: https://ctncamau.com.vn/

**TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 3/ 2026**  
**TRẠM VIỆT THẮNG - CHI NHÁNH CN CÁI ĐÔI VÀM**

TT	Mã số mẫu Thông số	KẾT QUẢ			Đôi chiếu QCDP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0283	26.ĐK.0284	26.ĐK.0285		
	Màu sắc (*)	12	13	13	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	1.01	1.07	1.11	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.64	0.41	0.33	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.85	7.96	7.72	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2026  
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan